

Số: 10 /2024/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4 và khoản 6 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75 và khoản 6 Điều 84 của Luật số 06/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích trong tham gia phong trào thi đua của thành phố hoặc có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan cấp thành phố bao gồm: sở, ban, ngành, cơ quan đảng cấp thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố, hội cấp thành phố; đơn vị sự nghiệp cấp thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp thành phố là người đứng đầu của cơ quan cấp thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị trực thuộc là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của Cơ quan cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

4. Hội thi bao gồm: các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan, giải thi đấu thể thao và tương đương.

5. Hội thi cấp thành phố là hội thi do các cơ quan cấp thành phố tổ chức theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương.

Điều 4. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

Trong công tác thi đua, khen thưởng cần phải đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 4 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 1, khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các nguyên tắc sau:

1. Không xem xét khen thưởng hoặc không đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt giải cao tại các hội thi từ cấp khu vực trở lên nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền thống nhất bằng văn bản cho tham gia hội thi.

2. Trong một hội thi, nếu một tập thể hoặc một cá nhân tham dự và đạt giải cao ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng hình thức khen thưởng cho thành tích cao nhất.

3. Việc khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do cơ quan Trung ương phát động, Đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội có tính chất đặc thù cấp thành phố phải được cấp có thẩm quyền thống nhất bằng văn bản.

Điều 5. Tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” để tặng hằng năm cho các đối tượng sau:

a) Đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua do thành phố tổ chức;

b) Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” để tặng hằng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích nổi bật dẫn đầu được bình xét, suy tôn thông qua cụm, khối thi đua;

b) Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

c) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

d) Có 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân thành phố” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho các đối tượng sau:

a) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp thành phố;

b) Các phòng, ban và tương đương, đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trường học theo phân cấp quản lý trên địa bàn thành phố (trừ đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này); các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường Đại học, Cao đẳng, bệnh viện tuyến thành phố, trung tâm y tế tuyến huyện;

d) Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty); các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng cho tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho các đối tượng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7 của Quyết định này; các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng cho tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Khen thưởng công trạng:

a) Cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Đối với tập thể thuộc cụm, khối thi đua các đơn vị thuộc thành phố: hoàn thành 100% các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; thực hiện nghiêm các quy định của cụm, khối thi đua; được bình xét, suy tôn thông qua cụm, khối thi đua.

2. Khen thưởng phong trào thi đua (chuyên đề):

a) Đạt thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phát động. Số lượng đề nghị khen thưởng theo tỷ lệ không quá 10% tập thể, 5% cá nhân (đối tượng trực tiếp tham gia phong trào);

b) Tham gia các phong trào thi đua chuyên đề theo Kế hoạch và Hướng dẫn sơ kết, tổng kết khen thưởng của Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương. Số lượng và tiêu chuẩn khen thưởng căn cứ vào quy định của Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương. Trường hợp không quy định số lượng thì được tính theo tỷ lệ 50% quy định điểm a khoản này;

c) Đạt thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Đề án của thành phố hoặc Trung ương. Số lượng đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có ít nhất 2/3 thời gian trực tiếp tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Đề án;

d) Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan cấp thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, các quận, huyện, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tham gia thi đua tại thành phố, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên vào các năm tròn (số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”). Riêng đối với cá nhân phải có thời gian công tác tại đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng;



đ) Cá nhân có thành tích xuất sắc, tham gia đủ nhiệm kỳ và không tham gia ứng cử trong nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp thành phố hoặc tập thể, cá nhân là gương điển hình tiên tiến được lựa chọn báo cáo tham luận tại Đại hội nhiệm kỳ mới;

e) Công nhân, nông dân, người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Công nhân, người lao động có sáng kiến mang lại lợi ích trị giá từ 100 triệu đồng trở lên cho doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

- Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ 05 lượt hộ nông dân giảm nghèo và tạo việc làm cho tối thiểu 10 lao động;

- Lập được thành tích trong lao động, sản xuất, công tác có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị tặng Giấy khen 02 năm liên tục;

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm, trực tiếp tham gia chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng;

b) Cá nhân đã tố cáo, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

c) Tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích trong công tác phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn;

d) Cá nhân có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn thành phố;

đ) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất, ngoài kế hoạch do Trung ương hoặc thành phố giao;

e) Tập thể, cá nhân đạt giải đặc biệt, giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các hội thi cấp khu vực, quốc gia, quốc tế hoặc đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các hội thi cấp thành phố;

g) Cá nhân trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện thí sinh, vận động viên đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các hội thi quốc tế;

h) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 350 triệu đồng trở lên đối với tập thể, 150 triệu đồng trở lên đối với cá nhân và gia đình. Riêng các đơn vị tham gia đóng góp tài trợ các công trình, sự kiện lớn của thành phố (Lễ hội, Tết) phải trị giá từ 1,5 tỷ đồng trở lên.

4. Khen thưởng đối ngoại:

Tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ. Trước khi trình khen thưởng phải lấy ý kiến Công an thành phố, Sở Ngoại vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Điều 10. Tiêu chuẩn tặng Giấy khen

1. Giấy khen để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm trở lên;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua, chuyên đề do cơ quan cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác phát động;

c) Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác;

d) Có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Giấy khen để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, xét tặng cho tập thể đạt giải tại các hội thi (trừ các trường hợp được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Quyết định này).

Điều 11. Tiền thưởng và hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại các Điều 53, Điều 54 và Điều 58 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP hoặc các văn bản quy định chuyên ngành. Đối với tập thể, cá nhân, gia đình được khen thưởng cấp thành phố về thành tích đóng góp kinh phí, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội thì được tặng biểu trưng của Ủy ban nhân dân thành phố thay cho tiền thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 40, Điều 43 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về công tác thi đua, khen thưởng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.



3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (HN-TPCHM);
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT Thành ủy; TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP và các đoàn thể;
- Hội đồng TĐKT TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Báo Cần Thơ;
- Đài Phát thanh và Truyền hình TP;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo TP;
- VP.UBND TP (2,3,4,5,6,7,8,NK);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, HK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Trường

